

Số: ~~934~~/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~07~~ tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
Trung tâm đô thị phía Đông Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chung (điều chỉnh) đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030;

Theo đề nghị của UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 26/5/2021 và Công văn số 1115/UBND-QLĐT ngày 21/5/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 681/BCTĐ-SXD ngày 30/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Đông phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Đông phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ.

2. Quy mô, phạm vi lập quy hoạch

- Phạm vi ranh giới lập quy hoạch thuộc một phần địa giới hành chính của phường Phổ Minh với quy mô khoảng 478ha, có giới cận như sau:

+ Phía Đông: Giáp sông Thoa và các phường Phổ Quang, Phổ Vinh;

+ Phía Tây: Giáp đường Nguyễn Tất Thành;

+ Phía Nam: Giáp phường Phổ Vinh;

+ Phía Bắc: Giáp sông Thoa và các phường Phổ Văn.

3. Tính chất

- Là phân khu đô thị mở rộng phía Đông của trung tâm đô thị Đức Phổ với chức năng chính về khu đô thị dịch vụ, được quy hoạch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ theo tiêu chuẩn đô thị loại IV;

- Là nơi tập trung nhiều nguồn lực quan trọng, thúc đẩy sự phát triển của khu vực phía Đông trung tâm đô thị Đức Phổ nói riêng và toàn thị xã Đức Phổ nói chung;

- Với các tuyến đường Nguyễn Tất Thành, đường Trần Hưng Đạo, đường Hùng Vương, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đây sẽ là đầu mối giao thông quan trọng của khu vực.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
A	Tổng diện tích quy hoạch	ha	478
B	Dân số dự báo	người	11.224
I	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	
1	Đất dân dụng đô thị	m ² /người	
	- Đất đơn vị ở bình quân	m ² /người	≥15
	- Đất công trình dịch vụ công cộng	m ² /người	≥4
	- Đất công viên cây xanh	m ² /người	≥6

	- Đất giao thông	$m^2/\text{người}$	≥ 10
2	Đất ngoài dân dụng	$m^2/\text{người}$	20-70
II Hạ tầng xã hội			
4.1	Giáo dục		
	- Trường mầm non	$\text{cháu}/1000 \text{ người}$	≥ 50
		$m^2/1 \text{ cháu}$	≥ 12
	- Trường tiểu học	$\text{hs}/1000 \text{ người}$	≥ 65
		$m^2/1 \text{ học sinh}$	≥ 10
	- Trường trung học cơ sở	$\text{hs}/1000 \text{ người}$	≥ 55
		$m^2/1 \text{ học sinh}$	≥ 10
	- Trường phổ thông trung học	$\text{hs}/1000 \text{ người}$	≥ 40
		$m^2/1 \text{ học sinh}$	≥ 10
4.2	Y tế		
	- Trạm y tế	trạm	1
		$m^2/\text{trạm}$	500
	- Bệnh viện đa khoa	$\text{giường}/1000 \text{ người}$	4
		$m^2/\text{giường bệnh}$	100
4.3	Thể dục thể thao		
	- Sân thể thao cơ bản	$m^2/\text{người}$	0,6
		$\text{ha}/\text{công trình}$	1,0
	- Sân vận động	$m^2/\text{người}$	0,8
		$\text{ha}/\text{công trình}$	2,5
	- Trung tâm thể dục thể thao	$m^2/\text{người}$	0,8
		$\text{ha}/\text{công trình}$	3,0
4.4	Các công trình văn hóa (sân chơi, sân luyện tập, thư viện, nhà văn hóa, bảo tàng, triển lãm...)		Theo tiêu chuẩn đô thị loại IV
4.5	Chợ	$\text{ha}/\text{công trình}$	0,2 - 1,0
	- Cấp đơn vị ở	$\text{ha}/\text{công trình}$	0,2
	- Cấp đô thị	$\text{ha}/\text{công trình}$	1,0
III Hạ tầng kỹ thuật			
1	Giao thông	% diện tích đất XD đô thị	≥ 18
	Bãi đỗ xe	$m^2/\text{người}$	$\geq 2,5$
2	Chỉ tiêu cấp nước		

	<i>Sinh hoạt</i>	<i>l/người.ngđ</i>	≥ 100
	<i>Công trình công cộng và dịch vụ</i>	<i>l/m²sản.ngđ</i>	≥ 2
	<i>Công trình du lịch</i>	<i>l/giường.ngđ</i>	≥ 200
	<i>Công trình công nghiệp, kho tàng</i>	<i>m³/ha.ngđ</i>	≥ 20
3	Chỉ tiêu cấp điện		
	<i>Sinh hoạt</i>	<i>Kwh/ng/năm</i>	1000
	<i>Công trình công cộng và dịch vụ</i>	%	30
	<i>Công trình nghỉ dưỡng</i>	<i>Kwh/giường</i>	2,0-3,5
	<i>Công trình công nghiệp, kho tàng</i>	<i>kW/ha</i>	50-350
4	Chỉ tiêu nước thải		
	<i>Sinh hoạt</i>	<i>l/người/ngày</i>	120
		<i>% nước cấp</i>	90
	<i>Công nghiệp</i>	<i>m³/ha/ngày</i>	16 - 48
5	Chỉ tiêu rác thải	<i>kg/người/ngày</i>	0,8-1,0
6	Nghĩa trang	<i>ha/1000 dân</i>	0,6
7	Mật độ đường cống thoát nước chính	<i>km/km²</i>	$\geq 3,5$

5. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
I	Đất xây dựng đô thị	354,27	74,1
1	Đất dân dụng	292,23	61,1
1.1	Đất các đơn vị ở	134,34	28,1
	- Đất nhóm nhà ở	117,80	24,6
	+ Đất nhóm ở hiện trạng chính trang	44,47	9,3
	+ Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	73,33	15,3
	- Đất dịch vụ - công cộng trong đơn vị ở	12,97	2,7
	- Đất vườn hoa cây xanh trong đơn vị ở	3,57	0,7
1.2	Đất thương mại dịch vụ kết hợp ở (tỷ lệ đất ở $\leq 20\%$)	30,74	6,4
1.3	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	30,06	6,3
	- Chợ đô thị	1,05	0,2
	- Đất dịch vụ - công cộng đô thị khác	29,01	6,1
1.4	Đất cây xanh quảng trường đô thị	12,38	2,6
1.5	Bãi đỗ xe	3,01	0,6
1.6	Đất giao thông nội thị	81,70	17,1
2	Đất ngoài dân dụng	62,04	13

2.1	Đất du lịch	3,71	0,8
2.2	Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	1,64	0,3
2.3	Đất cây xanh cảnh quan	44,97	9,4
2.4	Giao thông đối ngoại	11,72	2,5
II	ĐẤT KHÁC	123,73	25,9
1	Đất nông nghiệp	58,45	12,2
2	Đất lâm nghiệp	14,12	3,0
3	Mặt nước (sông suối, kênh...)	33,60	7,0
4	Đất dự trữ phát triển	17,56	3,7
	Tổng	478,00	100,0

6. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

a) Nguyên tắc quy hoạch không gian: Trên cơ sở trục đường giao thông chính như: đường Nguyễn Tất Thành, đường Ngô Quyền, đường Dung Quất - Sa Huỳnh, đường D4, đường ven sông Thoá và sông Trường; các cảnh quan thiên nhiên núi Sầu Đầu, núi Sa Bình; hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan ven sông; các khu chức năng chính đã được xác định trong đồ án quy hoạch chung được duyệt; Quy hoạch không gian kiến trúc đô thị Phố Minh được định hướng như sau:

- Cải tạo chỉnh trang khu vực xung quanh núi Sầu Đầu trở thành điểm du lịch sinh thái, tham quan, ngắm cảnh;

- Hình thành các trục cảnh quan đô thị mang tính đặc trưng của đô thị dịch vụ ven sông và các không gian điểm nhấn trọng tâm đô thị: ven sông, trục thương mại dịch vụ, các công viên tập trung gắn với trung tâm văn hóa - thể dục thể thao.

- Phát triển các khu đô thị mới đồng bộ, hiện đại kết hợp với cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, khớp nối đồng bộ với các dự án đã và đang triển khai trong khu vực.

- Không gian đô thị gắn kết chặt chẽ vùng cảnh quan ven sông Thoá, sông Trường, sông Ró thành một tổng thể thống nhất từ hình thái tới màu sắc kiến trúc.

b) Các không gian chính trong khu vực quy hoạch

b.1) Trung tâm hành chính cấp phường, xã: Quy hoạch mới trung tâm hành chính phường Phố Minh ở phía Nam đường Ngô Quyền.

b.2) Đất trung tâm y tế: Quy hoạch mới 02 trạm y tế cấp đơn vị ở.

b.3) Đất trung tâm giáo dục - đào tạo: Quy hoạch mới 02 trường Mẫu giáo, 02 trường Tiểu học và 02 trường Trung học cơ sở.

b.4) Hệ thống công viên cây xanh:

- Giữ lại cải tạo chỉnh trang công viên núi Sa Bình, núi Sầu Dầu, tạo không gian cảnh quan sinh thái cho đô thị.

- Bố trí mới công viên tập trung hai bên đường Ngô Quyền và các công viên ven sông.

- Bố trí mới quỹ đất cây xanh vườn hoa trong mỗi đơn vị ở nhằm đáp ứng nhu cầu cho người dân.

b.5) Trung tâm thương mại dịch vụ:

- Quy hoạch 02 chợ mới, trong đó 01 chợ đô thị và 01 chợ đơn vị ở.

- Quy hoạch bố trí công trình thương mại dịch vụ tại các nút giao thông chính, trục đường chính; ưu tiên xây dựng hợp khối công trình để hình thành những công trình quy mô lớn, hình thức kiến trúc hiện đại, đa chức năng, tạo điểm nhấn về cảnh quan cho đô thị.

b.6) Đất du lịch: Bố trí quỹ đất du lịch khu vực núi Sầu Dầu để phục vụ người dân và du khách đến tham quan, ngắm cảnh.

b.7) Các đơn vị ở:

- Các khu dân cư xây mới: Bố trí quỹ đất ở mới khu vực trung tâm phường Phổ Minh đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển dân cư; bố trí dạng nhà ở liên kế (ở kết hợp kinh doanh thương mại dịch vụ) trên các trục đường chính, gần khu vực thương mại dịch vụ với mật độ xây dựng hợp lý.

- Các khu ở hiện hữu: Cơ bản giữ lại và chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, cho phép xây dựng thêm nhà ở mới xen cây trong khu vực hiện hữu nhưng phải đảm bảo các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định. Sử dụng hình thức nhà vườn, nhà phố, nhà liền kề với mật độ xây dựng hợp lý; mở rộng các tuyến đường nội bộ hiện trạng đảm bảo lưu thông và bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ dân cư.

b.8) Đất nông nghiệp: Vùng đất nông nghiệp phía Nam khu vực được quy hoạch đất dự trữ phát triển trong tương lai.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

a.1) San nền:

- San nền sử dụng giải pháp tôn nền kết hợp hệ thống kè ven sông Trà Câu, sông Thoa, sông Rớ, sông Trường và hệ thống cống, trạm bơm, cửa van đồng bộ để thoát nước mưa, chống ngập úng bảo vệ đô thị. San nền cục bộ ở các khu vực xây dựng mới, cao độ san nền phù hợp với nền hiện trạng của từng khu vực và các tuyến đường xung quanh.

- Cao độ không chế san nền cụ thể của từng khu vực như sau:

- + Khu vực phía Tây từ Quốc lộ 1 đến đường trục chính Đông D4: Cao độ nền $\geq 3,5\text{m}$.

+ Khu vực phía Đông đường trục chính Đông D4: Cao độ nền $\geq 3,0\text{m}$.

a.2) Thoát nước mưa:

- Những khu vực được xây dựng mới đồng bộ, quy hoạch hệ thống thoát nước riêng cho nước mưa và nước thải. Đối với các khu vực dân cư hiện hữu, quy hoạch xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

- Các lưu vực thoát nước mưa chính:

+ Lưu vực phía Bắc đường N3: Thu nước trên các trục đường chính và thoát nước ra sông Trà Cầu.

+ Lưu vực nằm giữa đường N3 và đường Ngô Quyền: Thu nước trên các trục đường chính và thoát nước ra sông Cầu Sắt và sông Thoa.

+ Lưu vực phía Nam đường Ngô Quyền: Thu nước trên các trục đường chính và thoát nước ra sông Rớ, sông Trường và sông Thoa.

- Hệ thống thoát nước đối với tuyến nhánh sử dụng cống tròn D600-D1500, đối với các tuyến cống chính sử dụng cống hộp B1500-B3000.

b) Giao thông

b.1) Giao thông đối ngoại

- Trục Quốc lộ 1 (đường Nguyễn Tất Thành): từ Km1095+557 (tại cầu Xã Cấp) đến Km1098 (tại nút giao đường Hùng Vương), quy hoạch mặt cắt ngang 32m; trong đó, lòng đường 2x10,5m, dải phân cách 2m, vỉa hè và taluy là 2x4,5m. Các đoạn đi qua khu vực dân cư được quy hoạch đường gom trong hành lang đường bộ với quy mô mặt cắt ngang 11,5m; trong đó, lòng đường 7,5m và vỉa hè phía khu dân cư 4,0m.

- Trục đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh:

+ Tim tuyến theo Quy hoạch hướng tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh đã được phê duyệt quy hoạch; Mở rộng quy mô mặt cắt ngang trong khu vực phường Phổ Minh từ 12,0m lên thành 26,0m; trong đó, lòng đường 16,0m, vỉa hè 2x5,0m.

+ Đối với nút giao đường Dung Quất - Sa Huỳnh với đường ven sông Thoa, tổ chức nút giao khác mức, mở hai tuyến đường nhánh song song với đường chính lên cầu Du Quang để làm tuyến dẫn lên xuống cầu; Mặt cắt cầu Du Quang giữ nguyên bề rộng theo dự án đường đang triển khai.

b.2) Giao thông đối nội

- Đường trục chính đô thị: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 29,0 - 41,0m nhằm kết nối các trung tâm dân cư và các công trình chính cấp đô thị.

- Đường chính đô thị, đường liên khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 27,0 - 32,0m nhằm kết nối các khu chức năng chính, tạo cảnh quan cho đô thị.

- Đường chính khu vực, đường phân khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến này với lộ giới từ 15,5 - 20,5m.

- Đối với đường nội bộ hiện trạng trong đông dân cư, kiến nghị mở rộng và nâng cấp tuyến này với lộ giới 13,5m.

b.3) Giao thông tĩnh

- Quy hoạch các bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích 3,01 ha, được tổ chức gần các công trình công cộng, quảng trường, trung tâm thương mại, công viên cây xanh và các khu dân cư nhằm phục vụ người dân đô thị.

c) Cấp điện

- Nguồn điện: Sử dụng lưới điện Quốc gia từ trạm 110kV Mộ Đức.

- Tổng công suất tính toán 6.057kVA; Giữ nguyên 7 trạm biến áp hiện hữu với tổng công suất khoảng 1.060kVA; kết hợp, quy hoạch mới 12 trạm biến áp, công suất mỗi trạm 400 - 560kVA.

- Lưới điện:

+ Quy hoạch xây dựng mới kết hợp cải tạo nắn chỉnh một số tuyến điện trung thế, hạ thế nhằm phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường giao thông.

+ Đối với các khu vực xây dựng mới, khuyến khích lưới điện được hạ ngầm đi trong hào kỹ thuật đảm bảo mỹ quan đô thị. Với các khu vực hiện hữu, từng bước hạ ngầm lưới điện tiến tới hạ ngầm hoàn toàn lưới điện cho toàn đô thị.

- Lưới điện chiếu sáng đường phố: Xây dựng các tuyến cáp ngầm chiếu sáng dọc theo các trục đường giao thông, kết hợp chiếu sáng trang trí trong khuôn viên các công trình và các khu chức năng của công viên.

d) Cấp nước

- Quy hoạch bổ sung 01 trạm tiếp nước kết hợp bơm tăng áp thị xã Đức Phổ (vị trí phường Phổ Minh), công suất khoảng 3.000m³/ngàyđêm - Nguồn nước lấy từ nhà máy nước Phổ Vinh. Phạm vi cấp nước gồm đô thị phía Đông (Phổ Minh).

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng 2.476 m³/ngàyđêm.

- Mạng lưới đường ống:

+ Các tuyến ống chuyên tải bao gồm 2 tuyến ống chính D200, D300 chạy dọc các trục đường chính (Ngô Quyền, Hùng Vương) nối từ Khu vực trung tâm thị xã Đức Phổ sang phường Phổ Minh. Tổng chiều dài khoảng 4,4km.

+ Các tuyến ống dẫn D100 - D150: chạy dọc theo trục đường trong khu vực với tổng chiều dài đường ống khoảng 37,1km.

- Bố trí các trụ cấp nước cứu hỏa cách nhau khoảng từ 100m-150m.

đ) Thoát nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang

đ.1) Thoát nước thải

- Quy hoạch xây dựng mới trạm xử lý nước thải ở phía Đông Nam khu vực lập quy hoạch với công suất 1.650 m³/ng.đêm. Toàn bộ nước thải tập trung về các tuyến ống chính và các tuyến cống bao đưa về trạm xử lý nước thải để xử lý. Khuyến khích các dự án khu dân cư, khu đô thị đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng theo mô hình xử lý nước thải phân tán nhằm giảm tải cho trạm xử lý nước thải chung của khu vực.

- Các tuyến thoát nước thải quy hoạch có đường kính từ Ø300-Ø600 đi dọc theo vỉa hè các trục đường, thu gom nước thải dẫn về các trạm xử lý.

đ.2) Chất thải rắn

- Chất thải rắn phát sinh trong khu vực quy hoạch phải được phân loại, thu gom, xử lý (hoặc chôn lấp) tại Khu xử lý CTR chung của thị xã Đức Phổ.

- Bố trí các thùng rác công cộng trên vỉa hè các trục đường, trong khuôn viên công trình với khoảng cách hợp lý.

- Chất thải rắn phải được thu gom định kỳ hàng ngày, đúng thời điểm theo quy định.

đ.3) Nghĩa trang

- Khu vực lập quy hoạch không bố trí đất nghĩa trang.

- Sử dụng nghĩa trang chung của đô thị.

- Từng bước đóng cửa, di dời nghĩa địa nhỏ lẻ trong khu vực.

e) Quy hoạch thông tin liên lạc, hào kỹ thuật

e.1) Mạng điện thoại, mạng truyền hình: Sử dụng các trạm cung cấp theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu được duyệt. Các nhà cung cấp dịch vụ sẽ triển khai mạng đến từng đơn vị qua mạng cáp hoặc trạm thu phát sóng.

e.2) Mạng ngoại vi

- Gồm các hệ thống hào, bể cáp và hầm cáp bố trí dọc theo các vỉa hè đường. Các tuyến thông tin liên lạc được hạ ngầm, bố trí trong mương dẫn cáp.

- Các tuyến cáp được đặt trong ống nhựa bảo vệ PVC Ø110x0,5; tại những đoạn qua đường sử dụng loại ống sắt hoặc kẽm. Các tủ, hộp cáp được bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý.

e.3) Hào kỹ thuật: Quy hoạch xây dựng các tuyến hào kỹ thuật đi dọc theo vỉa hè các trục đường chính. Bố trí các tuyến đường dây, đường ống trong hào kỹ thuật hợp lý, đảm bảo khoảng cách giữa các tuyến theo quy định.

g) Đánh giá môi trường chiến lược và giải pháp bảo vệ môi trường

g.1) Giải pháp về kỹ thuật

- Về tổng thể:

+ Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải (rắn, lỏng) cho toàn bộ các khu dân cư đô thị và các công trình khác có nguồn gây ô nhiễm.

+ Thiết lập và duy trì hoạt động thường xuyên hệ thống quan trắc môi trường chung.

+ Thiết lập các vành đai cây xanh cho các khu dân cư, để tăng khả năng chịu tải môi trường của các hệ sinh thái, góp phần cải tạo những khu vực bị ô nhiễm (do chất thải rắn, lỏng...) để cải tạo môi trường sinh thái.

- Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

+ Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính.

+ Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên....

+ Tại các trục đường giao thông chính, nền đường nên thường xuyên được quét dọn và phun nước chống bụi.

- Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước:

+ Cải tạo sông hồ, xây dựng quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị, đa dạng hóa loại hình và công nghệ xử lý nước thải theo quy mô và tính chất của các đô thị.

+ Nâng cấp, xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải đô thị.

+ Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực sông suối.

+ Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

- Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất:

+ Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm.

+ Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi, lung tung tại các khu vực đất trống.

g.2) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại khu

vực.

- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp không chế hữu hiệu.

g.3) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu.

- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông suối trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực bãi rác nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian.

- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác.

- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

h) Hạng mục ưu tiên đầu tư

h.1) Hạ tầng kỹ thuật:

- Đầu tư xây dựng tuyến Hùng Vương nối dài, tuyến ven sông Trà Câu, trục chính Đông D4, đường Dung Quất - Sa huỳnh, đầu tư các trục đường đô thị; đồng bộ hệ thống hạ tầng theo tuyến.

- Xây dựng kè ven sông Trà Câu; khơi thông luồng tuyến sông Cầu Sắt từ đường Nguyễn Tất Thành đến sông Thoa;

- Đầu tư hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải.

- Nâng cấp, mở rộng và đầu tư xây dựng mới nhà máy nước; nâng phạm vi, tỷ lệ cấp nước sạch sinh hoạt.

h.2) Hạ tầng xã hội:

- Ưu tiên xây dựng các công trình công cộng, dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của các khu dân cư: hệ thống giáo dục các cấp như trường Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở; các diêm sinh hoạt văn hóa, trạm y tế; vườn hoa cây xanh, thể dục thể thao trong các khu ở và các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác.

- Kêu gọi đầu tư xã hội hóa các công viên cây xanh tập trung, các công trình phát triển hỗn hợp, thương mại dịch vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo đơn vị Tư vấn chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ theo ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng.

- Tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các dự án có liên quan để có giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phân khu được duyệt.

- Phê duyệt Quy định quản lý đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Trung tâm đô thị phía Đông phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ; Chủ tịch UBND phường Phổ Minh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TT. Thị ủy và HĐND TX Đức Phổ;
- VPUB: PCVP, các phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD. pbc600

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn